

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành Phố Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ giáo dục và đào tạo.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103004251 ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 08 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 11 tháng 11 năm 2008 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội, hoạt động chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hoá (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Quế	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Đạt	Ủy viên
Ông Dương Xuân Mộc	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Lê Hồng Quế	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Văn Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đắc Huân	Ủy viên
Ông Lê Quang Hà	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Lê Hồng Quế

Số :/2010/BC.TC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội được lập ngày 05 tháng 01 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2010

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI
CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

**Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV**

**Hoàng Thúy Nga
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		44.468.612.677	33.901.101.149
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		879.466.190	1.017.023.407
111	1. Tiền	3	879.466.190	1.017.023.407
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.189.845.329	4.633.777.479
131	1. Phải thu khách hàng		4.451.363.531	1.959.655.152
132	2. Trả trước cho người bán		192.632.000	762.118.448
135	3. Các khoản phải thu khác	4	545.849.798	1.912.003.879
140	IV. Hàng tồn kho	5	35.525.518.434	25.479.312.087
141	1. Hàng tồn kho		35.525.518.434	25.479.312.087
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.873.782.724	2.770.988.176
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		19.765.500	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.789.218.166	2.762.200.663
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		64.799.058	8.787.513
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.500.584.214	16.710.371.462
220	II . Tài sản cố định		14.355.657.285	16.689.611.407
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	14.110.830.921	16.346.235.950
222	- Nguyên giá		41.418.964.254	40.280.662.032
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(27.308.133.333)	(23.934.426.082)
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	244.826.364	343.375.457
260	V. Tài sản dài hạn khác		144.926.929	20.760.055
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		144.926.929	20.760.055
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.969.196.891	50.611.472.611

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		35.382.595.247	26.041.414.151
310	I. Nợ ngắn hạn		35.175.736.203	25.873.395.947
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	8	5.000.000.000	7.602.098.484
312	2. Phải trả người bán	9	29.166.790.901	17.316.379.463
313	3. Người mua trả tiền trước		106.152.140	1.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	340.228.457	194.260.890
316	6. Chi phí phải trả		-	65.080.000
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	562.564.705	694.577.110
330	II. Nợ dài hạn		206.859.044	168.018.204
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		206.859.044	168.018.204
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.586.601.644	24.570.058.460
410	I. Vốn chủ sở hữu	12	23.984.728.023	24.570.058.460
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.497.912.513	1.497.912.513
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		943.655.580	846.678.609
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.383.309.930	2.065.617.338
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(398.126.379)	-
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(398.126.379)	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.969.196.891	50.611.472.611

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010
Giám đốc

Dương Xuân Mộc

Dương Xuân Mộc

Lê Hồng Quế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13	48.900.157.231	49.406.111.160
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		65.028.258	5.640.388
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch		48.835.128.973	49.400.470.772
11	4. Giá vốn hàng bán	14	43.148.535.163	42.692.518.750
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch		5.686.593.810	6.707.952.022
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	31.835.917	35.921.206
22	7. Chi phí tài chính	16	693.618.654	851.675.399
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>681.461.264</i>	<i>851.675.399</i>
24	8. Chi phí bán hàng		59.230.000	84.563.380
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.741.020.870	3.720.029.274
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.224.560.203	2.087.605.175
31	11. Thu nhập khác		961.318.894	717.439.584
32	12. Chi phí khác		84.356.448	170.726.809
40	13. Lợi nhuận khác		876.962.446	546.712.775
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.101.522.649	2.634.317.950
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	185.983.232	370.144.572
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.915.539.417	2.264.173.378
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	18	950	1.237

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010
Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Dương Xuân Mộc

Dương Xuân Mộc

Lê Hồng Quế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác		49.627.010.356	45.016.593.917
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(35.271.312.510)	(37.319.921.383)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.231.428.923)	(6.172.069.070)
4	4. Tiền chi trả lãi vay		(681.460.964)	(813.595.399)
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(109.985.665)	(348.306.369)
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		691.311.195	723.044.310
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.424.045.679)	(2.935.549.416)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.600.087.810	(1.849.803.410)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác		(1.163.302.222)	(1.355.371.157)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác		11.904.762	
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.835.917	35.921.206
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.119.561.543)	(1.319.449.951)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		19.000.000.000	6.987.000.000
34	1. Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.602.098.484)	(5.447.000.000)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.015.985.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.618.083.484)	1.540.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(137.557.217)	(1.629.253.361)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.017.023.407	2.646.276.768
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		879.466.190	1.017.023.407

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010
Giám đốc

Dương Xuân Mộc

Dương Xuân Mộc

Lê Hồng Quế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành Phố Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT – TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ giáo dục và đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với các ngành nghề kinh doanh như sau:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hoá (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Nguyên tắc ghi nhận chi phí nhân công

Tiền lương được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ theo đơn giá tiền lương theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008 số 02-2008/BB-ĐHĐCĐ-TPH ngày 15 tháng 4 năm 2008, tiền lương chi trả cho cán bộ công nhân viên của Công ty căn cứ theo sản lượng sản phẩm sản xuất trong năm dựa trên quy chế tiền lương của Công ty, do đó quỹ tiền lương của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 bị thiếu 531.086.816 VND.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo tỷ lệ 1% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2008 vào các quỹ theo tỷ lệ phân phối của năm 2007 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2008 số 02-2008/BB-ĐHĐCĐ-TPH ngày 15 tháng 4 năm 2008.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thay đổi chính sách kế toán trong năm

Từ năm 2009, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3 TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	152.826.142	215.795.725
Tiền gửi ngân hàng	726.640.048	801.227.682
Cộng	879.466.190	1.017.023.407

4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu người lao động	531.086.816	683.674.119
Phải thu khác	14.762.982	1.228.329.760
Cộng	545.849.798	1.912.003.879

5 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	7.179.188.200
Nguyên liệu, vật liệu	32.912.782.924	15.645.368.734
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.577.672.618	2.226.274.751
Thành phẩm	601.468.531	165.523.968
Hàng gửi đi bán	433.594.361	262.956.434
Cộng giá gốc hàng tồn kho	35.525.518.434	25.479.312.087

6 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.447.917.686	37.029.026.943	496.850.670	306.866.733	40.280.662.032
Số tăng trong năm	1.082.558.222	36.000.000	-	44.744.000	1.163.302.222
- Mua trong năm		36.000.000	-	44.744.000	80.744.000
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.082.558.222		-	-	1.082.558.222
Số giảm trong năm	-	25.000.000	-	-	25.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	25.000.000	-	-	25.000.000
Số dư cuối năm	3.530.475.908	37.040.026.943	496.850.670	351.610.733	41.418.964.254
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.785.448.489	21.622.319.715	393.506.150	133.151.728	23.934.426.082
Số tăng trong năm	233.308.179	3.075.032.426	46.526.408	43.840.238	3.398.707.251
- Khấu hao trong năm	233.308.179	3.075.032.426	46.526.408	43.840.238	3.398.707.251
Số giảm trong năm	-	25.000.000	-	-	25.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	25.000.000	-	-	25.000.000
Số dư cuối năm	2.018.756.668	24.672.352.141	440.032.558	176.991.966	27.308.133.333
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	662.469.197	15.406.707.228	103.344.520	173.715.005	16.346.235.950
Tại ngày cuối năm	1.511.719.240	12.367.674.802	56.818.112	174.618.767	14.110.830.921

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.642.758.211 VND.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.981.912.911 VND.

7	CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	Công trình nhà kho	-	102.455.093
	Công trình xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất của Công ty	244.826.364	240.920.364
	Cộng	244.826.364	343.375.457
8	VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
	Vay ngắn hạn	5.000.000.000	7.602.098.484
	Cộng	5.000.000.000	7.602.098.484
<i>Số dư vay ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2009 là khoản vay từ giấy nhận nợ số 01 ngày 16/04/2009 thuộc Hợp đồng tín dụng số 1604/HĐTD ngày 16/04/2009 vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Gia Lâm, thời hạn 4 tháng, lãi suất 10,5%/năm.</i>			
9	PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
	Công ty CP in & TM Thống Nhất	68.939.772	173.100.281
	Cty TNHH TM Kim Nam Phương	-	504.525.046
	Công ty CP Đồng nai - CODONA	23.710.000.000	8.321.476.071
	Trung tâm DV & KD Giấy tại Hà Nội	5.129.912.081	8.078.669.292
	Phải trả người bán khác	257.939.048	238.608.773
	Cộng	29.166.790.901	17.316.379.463
10	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	31/12/2009	01/01/2009
		VND	VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.191.057	9.193.490
	Thuế thu nhập cá nhân	22.400	22.400
	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	255.015.000	185.015.000
	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	30.000
	Cộng	340.228.457	194.260.890

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	112.537.544	66.810.229
Bảo hiểm xã hội	-	16.505.525
Các khoản phải trả, phải nộp khác	450.027.161	611.261.356
Cộng	562.564.705	694.577.110

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	1.497.912.513	733.469.940	2.642.645.974	22.874.028.427
Tăng vốn trong năm trước	2.159.850.000	-	-	-	2.159.850.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.264.173.378	2.264.173.378
Tăng do phân phối quỹ	-	-	113.208.669	-	113.208.669
Giảm do chia cổ tức và phân phối các quỹ	-	-	-	2.839.102.014	2.839.102.014
Giảm khác	-	-	-	2.100.000	2.100.000
Số dư cuối năm trước	20.159.850.000	1.497.912.513	846.678.609	2.065.617.338	24.570.058.460
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.915.539.417	1.915.539.417
Tăng do phân phối quỹ	-	-	96.976.971	-	96.976.971
Giảm do chia cổ tức và phân phối các quỹ	-	-	-	2.597.846.825	2.597.846.825
Số dư cuối năm nay	20.159.850.000	1.497.912.513	943.655.580	1.383.309.930	23.984.728.023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	%	Đầu năm	%
Vốn góp của Nhà nước	10.281.600.000	51	9.180.000.000	51
Vốn góp của các đối tượng khác	9.878.250.000	49	8.820.000.000	49
Cộng	20.159.850.000	100	18.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.159.850.000	18.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		2.159.850.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.159.850.000	20.159.850.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	2.015.985.000	2.159.850.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu phổ thông		

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- Cổ phiếu phổ thông	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.015.985	2.015.985
- Cổ phiếu phổ thông	2.015.985	2.015.985

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của công ty

	Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.497.912.513	1.497.912.513
- Quỹ dự phòng tài chính	943.655.580	846.678.609
Cộng	2.441.568.093	2.344.591.122

13 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	48.900.157.231	49.406.111.160
Cộng	48.900.157.231	49.406.111.160

14 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	43.148.535.163	42.692.518.750
Tổng cộng	43.148.535.163	42.692.518.750

15 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.835.917	35.921.206
Cộng	31.835.917	35.921.206

16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	681.460.964	851.675.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.157.690	-
Cộng	693.618.654	851.675.399

17 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	185.983.232	370.144.572
Cộng	185.983.232	370.144.572

THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.101.522.649	2.634.317.950
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	24.000.000	37.715.180
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>24.000.000</i>	<i>37.715.180</i>
- <i>Thù lao hội đồng quản trị - Ông Khang không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	<i>24.000.000</i>	<i>24.000.000</i>
- <i>Chi phí không có chứng từ hợp lệ</i>	-	13.715.180
Tổng thu nhập chịu thuế	2.125.522.649	2.672.033.130
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	185.983.232	370.144.572
<i>Trong đó: Thuế TNDN đã được giảm theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009</i>	<i>79.707.099</i>	<i>3.940.066</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.915.539.417	2.264.173.378

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty phải nộp theo tỷ lệ 25% trên lợi nhuận tính thuế thu được trong năm. Theo quy định của Luật Khuyến khích Đầu tư Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi (từ năm 2004) và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tiếp theo. Ngoài ra, theo Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 về việc ưu đãi thuế TNDN đối với các tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán thì Công ty được miễn giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm tiếp theo kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế TNDN theo quy định.

Theo quy định tại thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN theo Nghị định số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, bảo đảm an ninh xã hội thì Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2009.

18 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.915.539.417	2.264.173.378
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.915.539.417	2.264.173.378
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.015.985	1.830.179
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	950	1.237

20 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.499.991.066	33.143.183.092
Chi phí nhân công	7.223.614.908	5.981.973.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.366.718.293	3.249.609.261
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.714.126.648	1.646.841.016
Chi phí khác bằng tiền	3.296.822.253	3.509.872.464
Cộng	48.101.273.168	47.531.479.522

21 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục	Công ty mẹ	95.536.757	28.911.266
NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	32.751.470.416	27.269.484.763
Công ty CP Bản đồ và tranh ảnh giáo dục	Đơn vị thuộc NXBGD	2.815.303.597	4.297.219.532
Công ty CP Học liệu giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	195.249.413	1.123.886.853
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	3.342.683.957	4.288.525.938
Mua nguyên vật liệu			
Nhà Xuất bản Giáo dục	Công ty mẹ	-	1.597.210.984
NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	-	377.783.243
Công ty CP Học liệu giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	-	999.759.340
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	373.845.993	394.539.391

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009	Năm 2008
Phải thu			
NXBGD tại Tp. Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	3.900.938.319	76.836.000
Công ty CP Bản đồ và tranh ảnh giáo dục	Đơn vị thuộc NXBGD	121.342.716	340.465.398
Công ty CP Học liệu giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	186.748.000	104.852.726
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD		802.012.243
Phải trả			
Công ty CP Học liệu giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	-	385.445.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Đơn vị thuộc NXBGD	46.396.078	166.546.743
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (vay ngắn hạn)	Đơn vị thuộc NXBGD	2.000.000.000	-

23 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010
Giám đốc

Dương Xuân Mộc

Dương Xuân Mộc

Lê Hồng Quế